

## MỘT SỐ HƯỚNG TIẾP NHẬN TÁC PHẨM VĂN HỌC TRONG DẠY HỌC VĂN

Đỗ Văn Hiểu

*Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

**Tóm tắt.** Hiện nay có rất nhiều lí thuyết nghiên cứu văn học được giới thiệu ở Việt Nam, vấn đề đặt ra là hệ thống hóa chúng như thế nào để có thể vận dụng vào dạy học văn trong trường phổ thông. Bài viết này hướng tới giới thiệu, phân tích ưu điểm, hạn chế của ba hướng tiếp nhận văn học cơ bản có thể vận dụng trong dạy học văn, đó là hướng tiếp nhận văn học từ góc độ tác giả, tiếp nhận văn học từ góc độ văn bản và tiếp nhận văn học từ góc độ văn hóa.

**Từ khóa:** Tiếp nhận văn học, Nghiên cứu tác giả, Nghiên cứu văn bản, Nghiên cứu văn hóa.

### 1. Mở đầu

Tiếp nhận văn học trong trường phổ thông có những nét đặc thù so với tiếp nhận văn học nói chung, hoạt động này được diễn ra trong môi trường sư phạm có sự hướng dẫn của giáo viên, có sự tương tác giữa các học sinh với nhau, tiếp nhận văn bản đã được lựa chọn kĩ theo định hướng giáo dục. Vì thế, một số nhà nghiên cứu đã có ý thức sử dụng thành tựu lí thuyết nghiên cứu văn học mới nhằm định hướng cho hoạt động tiếp nhận văn học trong nhà trường. GS Trần Đình Sử là người tâm huyết trong lĩnh vực này. Năm 1993 ông công bố *Một số vấn đề thi pháp học* [1] đề xướng vận dụng Thi pháp học vào dạy học văn trong trường phổ thông với những chỉ dẫn quan trọng về nhân vật, không gian, thời gian nghệ thuật, chi tiết nghệ thuật, cốt truyện, kết cấu, lời văn nghệ thuật. Năm 2006 trong *Độc hiểu văn bản - một khâu đột phá trong nội dung và phương pháp dạy văn hiện nay* [2] ông đã sử dụng lí thuyết về văn bản văn học để khởi xướng hướng dạy học văn mới. Năm 2015 GS Trần Đình Sử lại chủ trương *Đưa kĩ hiệu học vào môn đọc văn trung học phổ thông* [3]. Năm 2013 Nguyễn Văn Tùng xuất bản cuốn *Lí luận văn học và đổi mới đọc hiểu tác phẩm* [4] giới thiệu và vận dụng một số phạm trù lí luận văn học vào nghiên cứu tác phẩm văn học trong trường phổ thông, nhưng về cơ bản vẫn là các phạm trù của thi pháp học. Bên cạnh Thi pháp học, kĩ hiệu học, Mĩ học tiếp nhận cũng được chú ý vận dụng vào nghiên cứu dạy học văn trong trường phổ thông, tiêu biểu như bài *Mĩ học tiếp nhận và dạy - học văn* [5] của Hồ Ngọc Mân, *Sự gợi ý của lí thuyết tiếp nhận văn học đối với việc dạy học đọc hiểu văn bản ở trường THPT* [6] của Trần Hữu Phong. Tuy nhiên, Mĩ học tiếp nhận nghiêng sang nghiên cứu người đọc nên bài viết này sẽ không đi sâu trình bày ở phần nội dung. Như vậy có thể thấy, mặc dù đã chú ý vận dụng lí thuyết nghiên cứu văn học vào dạy học văn trong trường phổ thông, nhưng các công trình thường chỉ nhấn mạnh một lí thuyết nên ít nhiều còn phiến diện. Bên cạnh đó, suốt từ đầu những năm 90 của thế kỉ XX đến nay, Thi pháp học và sự mở rộng của thi pháp học vẫn là hướng chủ đạo trong nghiên cứu vận dụng lí thuyết văn học vào dạy học văn. Trước tình hình đó, người viết muốn hệ thống hóa lí thuyết nghiên cứu văn học vốn phong phú phức tạp thành một số hướng tiếp nhận cơ bản, trong đó đặc biệt lưu ý cần tăng cường vận dụng “tiếp nhận văn học từ góc độ văn hóa” vào dạy học văn trong trường phổ thông nhằm tăng cường tính kết nối giữa việc dạy học

---

Ngày nhận bài: 19/4/2018. Ngày sửa bài: 19/7/2018. Ngày nhận đăng: 25/8/2018.

Tác giả liên hệ: Đỗ Văn Hiểu. Địa chỉ e-mail: [dovanhieuh@hnue.edu.vn](mailto:dovanhieuh@hnue.edu.vn)

văn trong nhà trường với hiện thực đời sống xã hội, góp phần xóa bỏ định kiến “những thứ trong giờ dạy học văn xa lạ với đời thực” đang tồn tại trong học sinh hiện nay.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Tiếp nhận văn học từ góc độ tác giả

Tiếp nhận văn học từ góc độ tác giả là hướng tiếp nhận có lịch sử lâu đời, cơ sở của hướng tiếp nhận này là quan niệm: khi sáng tác, nhà văn bao giờ cũng gửi gắm điều gì đó trong văn bản tác phẩm, cho nên, tiếp nhận văn học là nỗ lực đi tìm dụng ý của nhà văn. Trong lí luận văn học cổ điển Trung Quốc có quan niệm cho rằng sáng tác là giải tỏa những u uất trong lòng (Tu Mã Thiên), là thể hiện sự quan tâm đến các vấn đề chính trị, xã hội: “Văn chương nên vì thời thế mà viết, thơ ca nên vì hiện thực mà sáng tác” (Bạch Cư Dị). Ở phương Tây, mô hình lí luận tác giả là trung tâm về cơ bản bao gồm Chủ nghĩa lãng mạn, Chủ nghĩa tượng trưng, Chủ nghĩa biểu hiện, Chủ nghĩa trực giác, Phân tâm học. Chủ nghĩa lãng mạn cho rằng thơ ca biểu đạt thế giới nội tâm chứ không mô phỏng thế giới bên ngoài. Theo Abrams, đối với Chủ nghĩa lãng mạn, thơ không phải là mô phỏng thế giới hiện thực mà là sáng tạo ra một tự nhiên khác. Nhà thơ không còn mô phỏng thế giới hiện thực như họa sĩ vẽ tranh phong cảnh hoặc tranh chân dung truyền thống nữa, mà giống như thượng đế sáng tạo ra một thế giới mới, một thế giới khác, bình đẳng với thế giới hiện thực. Thơ là sản phẩm của tưởng tượng và tình cảm, nó đến từ nội tâm nhà thơ chứ không phải từ kinh nghiệm sống bình thường. Là đại diện tiêu biểu cho chủ nghĩa tượng trưng, Paul Valery (1871-1945) nhấn mạnh thơ ca phải miêu tả chân thực nội tâm, khoác lên khái niệm trừu tượng chiếc áo cảm tính. Đại diện của chủ nghĩa biểu hiện Benedetto Croce (1866-1952) cho rằng “Nghệ thuật là trực giác” và “trực giác là biểu hiện” [7]. Phân tâm học cho rằng hoạt động nghệ thuật chính là con đường chủ yếu để đạt được sự thăng hoa thông qua sự chuyển di libido hoặc bản năng tính dục, nhà nghệ thuật được an ủi trong thế giới hoang tưởng do họ sáng tạo ra. Loại lí luận này coi bản năng tính dục của con người là động lực của nghệ thuật, cho rằng nghệ thuật là sản phẩm của xung động bản năng của con người. Trong *Nhà văn và giấc mơ ban ngày* Freud nói: “một tác phẩm có tính sáng tạo giống như giấc mơ ban ngày, là vật thay thế và tiếp tục trò chơi mà thời ấu thơ đã từng chơi” [8]. Từ những quan niệm về sáng tác như vậy có thể thấy, tiếp nhận văn học từ góc độ tác giả có hạt nhân hợp lí.

Trong hướng tiếp nhận văn học từ góc độ tác giả thì cách tiếp nhận của Sainte-Beuve, Taine, Gustave dưới ảnh hưởng của chủ nghĩa thực chứng thế kỉ XIX được thao tác khá cụ thể. Họ cho rằng, thông qua nghiên cứu hoàn cảnh của nhà văn (hoàn cảnh gia đình, xã hội, giáo dục, đời sống riêng) có thể lí giải được vì sao nhà văn lại viết như vậy. Sainte-Beuve cho rằng tác phẩm văn học chính là sự phản ánh tính cách, khí chất, và trạng thái tinh thần của cá nhân nhà văn và biểu hiện ý đồ của nhà văn. Ông nói, “đối với một nhà văn, phải nghiên cứu một số vấn đề dường như không có liên quan gì đến tác phẩm của họ. Chẳng hạn họ quan niệm về tôn giáo như thế nào? Xử lí vấn đề phụ nữ như thế nào? Ứng xử với tiền bạc họ như thế nào? Họ là người giàu hay người nghèo...” [9]. Như vậy, theo Sainte-Beuve cuộc sống của nhà văn là chìa khóa mở vào bí mật của tác phẩm. Tiếp nhận văn học theo cách của Sainte-Beuve đến ngày nay vẫn là phương pháp quan trọng trong nghiên cứu phê bình văn học.

H.A. Taine cho rằng gia tộc, hoàn cảnh và thời đại có ảnh hưởng quyết định đến nhà văn. Cũng là kịch Pháp, kịch của thời đại Corneille khác với kịch thời đại Voltaire, cũng là kịch Hy Lạp, nhưng Aeschylus khác với Euripides. Chúng tộc là nguyên nhân bên trong, hoàn cảnh và thời đại là tác động bên ngoài, chỉ cần nghiên cứu cẩn thận ba phương diện này thì “không chỉ có thể làm rõ toàn bộ nguyên nhân trước mắt, mà còn làm rõ tất cả ngọn nguồn của động lực sâu xa” [10]. Như vậy, đặc sắc của nhà văn, nhà nghệ thuật không chỉ quy về thiên tài thần bí, mà còn thuộc về một phần trong kết cấu tổng thể của tự nhiên và xã hội. Theo Taine, sở dĩ Hy Lạp cổ đại xuất hiện những tác phẩm điêu khắc hoàn mỹ tuyệt vời là vì đặc tính của dân tộc Hy Lạp: thông

minh, dễ gần, yêu khoa học, năng lực tư duy trừu tượng phát triển, địa hình Hy Lạp nhỏ hẹp, không khí trong sạch. Đây là một dân tộc vui vẻ, đa thần giáo, chính trị thành bang làm cho nhân tính được phát triển toàn diện. Tất cả những điều này biến người Hy Lạp thành những nhà nghệ thuật tốt nhất, họ giỏi về phân biệt quan hệ vi diệu, sáng tạo ra những bức điêu khắc tinh tế và những công trình kiến trúc thần diệu tỉ lệ hài hòa, trang nghiêm và trầm tĩnh.

Nhưng Taine lí giải quá máy móc về quan hệ giữa nhà văn và hoàn cảnh, vì dù sao con người cũng không phải là thực vật, đặc biệt là đối với những nhà thơ nhà văn vĩ đại, nếu chỉ dựa vào hoàn cảnh thì khó có thể lí giải được triệt để một số vấn đề. Ví dụ trong một quốc gia, một thời đại vì sao vẫn có nhà văn thuộc các loại hình khác nhau, phong cách khác nhau, thể hiện giá trị cao thấp khác nhau? Đối với vấn đề này, Gustave Lanson một mặt tiếp tục phương hướng chủ nghĩa thực chứng của Taine, mặt khác đã tiến hành điều chỉnh, vừa xem xét ảnh hưởng của hoàn cảnh xã hội, vừa thừa nhận phân thiên tài, cá tính của nhà văn. Ông nhấn mạnh nhân tố xã hội, vì đây là cơ sở hình thành trạng thái tinh thần của nhà văn, đồng thời cũng coi trọng khảo sát cuộc sống cá nhân của họ.

Cũng cần lưu ý rằng, việc tìm hiểu nhà văn, gia tộc, thời đại có ý nghĩa quan trọng nhưng không nên tuyệt đối hóa cách đọc này, bởi vì “Cho dù giữa tác phẩm nghệ thuật và cuộc đời nhà văn có quan hệ mật thiết, nhưng tuyệt đối không có nghĩa là tác phẩm nghệ thuật chỉ là bản sao của đời sống nhà văn” [11], mặt khác, tư liệu về cuộc đời nhà văn và hoàn cảnh sáng tác nhiều khi không có hoặc khó xác định được mức độ chân thực của chúng, không những thế, bản thân văn bản văn học cũng có sự tồn tại tương đối độc lập, vượt ra khỏi sự khống chế của người sáng tác... Trong dạy học văn ở trường phổ thông, hướng tiếp cận này được thể hiện khá rõ trong phần giới thiệu khái lược về tiểu sử nhà văn, sự nghiệp sáng tác và hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm. Dạy học theo hướng này giáo viên và học sinh chỉ nên tập trung vào những chi tiết ảnh hưởng đến sự xuất hiện của tác phẩm văn học, tức là những thông tin về tiểu sử, sự nghiệp, hoàn cảnh sáng tác để lại dấu ấn trong văn bản tác phẩm.

## **2.2. Tiếp nhận văn học từ góc độ văn bản**

Sang thế kỉ XX, lí luận phê bình phương Tây có một bước chuyển ngoặt lớn, chuyển từ mô hình tác giả trung tâm luận sang văn bản trung tâm luận, đề xuất cách tiếp nhận từ văn bản tác phẩm. Bắt đầu với trường phái Phê bình mới Anh Mỹ (1920-1950), họ coi tác phẩm là vật tượng trưng khách quan độc lập, là thể hữu cơ tự đủ không có liên hệ gì với bên ngoài. Họ cho rằng về bản chất văn học là một hình thức ngôn ngữ đặc thù, nhiệm vụ của phê bình văn học là dùng phương thức đọc kĩ (close reading), phân tích các tầng khác nhau của thơ ca, nghiên cứu quan hệ ẩn kín và tác động qua lại giữa các bộ phận của tác phẩm. Phê bình mới nhấn mạnh tính độc lập của tác phẩm, cho rằng sau khi tác giả hoàn thành tác phẩm, tác phẩm không còn thuộc về tác giả nữa, nên cần tiếp nhận tác phẩm từ chính bản thân tác phẩm. Điều mà nhà phê bình cần nắm bắt chỉ là ý nghĩa của từ ngữ, bao gồm toàn bộ ý nghĩa lịch sử của ngôn ngữ tác phẩm, ý nghĩa liên tưởng của nó và ý nghĩa có thể gọi tên sự vật khách quan. Chủ nghĩa hình thức Nga lại chú ý đến phân tích các thủ pháp lạ hóa trong cấu tạo văn bản, phân biệt ngôn ngữ thơ ca và ngôn ngữ hằng ngày, chú ý đến tính văn học của văn bản văn học. Chủ nghĩa cấu trúc coi tác phẩm là hệ thống kí hiệu, tồn tại khép kín, tự nó sinh thành ý nghĩa, đồng thời tìm ra kết cấu bên trong của văn bản. Phương pháp của chủ nghĩa cấu trúc nhấn mạnh tính hệ thống, chú trọng quan hệ giữa văn bản và văn bản, tìm ra kết cấu chung chi phối văn bản văn học cụ thể.

Tiếp nhận văn học từ góc độ văn bản đánh dấu bước ngoặt trong lí luận phê bình văn học phương Tây, nó bao gồm nhiều trường phái nghiên cứu khác nhau, tương đối phức tạp. Ở Việt Nam, Thi pháp học thể hiện khá rõ đặc điểm của hướng tiếp nhận này. Thi pháp học do Trần Đình Sử giới thiệu và phát triển đã góp phần rất lớn trong việc thay đổi cách tiếp nhận văn học ở Việt Nam đương thời. Theo Trần Đình Sử, “điểm làm cho thi pháp học có vị trí độc lập, phân biệt với

các bộ môn khác trong khoa văn học là nó chỉ nghiên cứu cấu trúc và thuộc tính nghệ thuật của văn học từ góc độ nghệ thuật” [12; 9]. Theo Trần Đình Sử, khi tiếp nhận văn học theo hướng thi pháp, chúng ta cần chú ý tiếp cận các vấn đề sau:

Tiếp nhận văn học từ góc độ thi pháp trước hết cần tìm hiểu quan niệm nghệ thuật về con người. Tìm hiểu quan niệm nghệ thuật về con người tức là tìm hiểu “sự lí giải, cắt nghĩa sự cảm thấy con người đã được hóa thân thành các nguyên tắc, phương tiện, biện pháp hình thức thể hiện con người trong văn học, tạo nên giá trị nghệ thuật và thẩm mỹ cho các hình tượng nhân vật trong đó” [12; 55]. Để tìm hiểu quan niệm nghệ thuật về con người, người đọc tìm hiểu cách nhà văn gọi tên nhân vật như thế nào, miêu tả nhân vật như thế nào, chú ý lặp đi lặp lại các hành động gì của nhân vật, miêu tả tâm lí nhân vật như thế nào, thậm chí chi tiết, ngôn ngữ cũng thể hiện quan niệm nghệ thuật về con người. Tìm hiểu quan niệm nghệ thuật về con người sẽ thấy được chiều sâu bên trong chi phối cách xây dựng nhân vật của nhà văn, sẽ có được tiêu chuẩn đánh giá giá trị nhân văn trong các hiện tượng văn học. Chẳng hạn, con người trong thần thoại thường mang chức năng của một vài hiện tượng tự nhiên, giới biến hóa, họ là tổ tiên của nhân loại; con người trong sử thi thường mang vẻ đẹp đại diện cho cả cộng đồng vì thế họ tồn tại trong sự ngưỡng mộ, tôn kính của người đời sau; con người trong cổ tích lại là con người xuất hiện để thực hiện một chức năng nào đó, như chức năng đại diện cho cái thiện, cái ác, chức năng phù trợ..., con người trong văn học trung đại Việt Nam được quan niệm là một tiểu vũ trụ, mang dấu ấn của vũ trụ, được khắc họa theo nguyên tắc tổ lòng, ngoại hiện hóa những biểu hiện bên trong, con người bốn phận; tiểu thuyết Tự lực văn đoàn thể hiện quan niệm về con người cá nhân xung đột với gia đình truyền thống; văn học hiện thực phê phán thể hiện quan niệm về con người là sản phẩm của hoàn cảnh, bị hoàn cảnh chi phối... Trong sáng tác của mỗi nhà văn cũng thể hiện quan niệm nghệ thuật về con người. Chẳng hạn, thơ Xuân Diệu thể hiện con người ham yêu khát sống, sáng tác của Nam Cao thể hiện quan niệm con người luôn cố gắng chống lại sự tha hóa của hoàn cảnh...

Tiếp nhận văn học theo kiểu Thi pháp học quan tâm đến vấn đề thời gian nghệ thuật. Văn học là nghệ thuật của thời gian, khi đọc một văn bản, chúng ta mất một lượng thời gian nhất định, thế giới nghệ thuật trong tác phẩm cũng dần dần được hoàn thiện trong dòng thời gian. Thời gian không chỉ là đối tượng được thể hiện trong văn bản văn học, mà còn là một nhân tố cấu thành văn bản văn học. Khi khảo sát thời gian trong văn bản văn học, thi pháp học đặc biệt quan tâm đến vấn đề thời gian trần thuật, tức là “thời gian biểu diễn bằng phương tiện ngôn ngữ” [12;82]. Khi khảo sát thời gian trần thuật, thi pháp học chú ý đến mở đầu và kết thúc của trần thuật; tốc độ, nhịp độ của trần thuật; chiều hướng của thời gian có thể là phát triển theo chiều tuyến tính của sự kiện được trần thuật, cũng có thể trần thuật đảo ngược từ hiện tại về quá khứ... Thời gian trần thuật là một phương thức biểu hiện nghệ thuật, do đó, nó góp phần thể hiện tiết tấu của bức tranh cuộc sống được tái hiện, tư tưởng tình cảm của người trần thuật... Bên cạnh thời gian trần thuật, Thi pháp học cũng quan tâm đến thời gian được trần thuật với các bình diện thời gian hiện tại, thời gian quá khứ, thời gian tương lai, và đi kèm với nó là quan niệm về thời gian, ý thức về thời gian. Chẳng hạn câu thơ: “Sầu đông càng lác càng đầy/ Ba thu dồn lại một ngày dài ghê” (*Truyện Kiều*, Nguyễn Du) thể hiện rất rõ quan niệm về thời gian tâm trạng. Khi người ta buồn, thời gian dường như dài lê thê. Hoặc trong thơ Xuân Diệu, “*Xuân đang tới, nghĩa là xuân đang qua/ Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già*” (*Vội vàng*) thể hiện quan niệm về thời gian hiện tại ngắn ngủi. Thời gian trong thần thoại thường là thời gian gắn với sự sáng tạo, sự khởi nguồn, thời gian nằm ngoài lịch sử, không liên hệ trực tiếp với thời gian lịch sử. Thời gian trong sử thi là thời gian thuộc về “quá khứ tuyệt đối”, cách biệt hẳn với người kể, gắn với kí ức cộng đồng, khoảng cách thời gian đó khiến cho những đối tượng cao đẹp càng trở nên cao đẹp hơn, nó tạo ra sự thành kính trong cách kể...

Tiếp nhận văn học từ góc độ Thi pháp học cũng quan tâm đến vấn đề không gian nghệ thuật. Thời gian nghệ thuật và không gian nghệ thuật đều là phương thức tồn tại của thế giới nghệ thuật.

Với tư cách là phương thức tồn tại của thể giới nghệ thuật, không gian có thể biểu hiện ở các phạm trù như cao – thấp, rộng – hẹp, trong – ngoài, thoáng đãng – tù túng hoặc gắn với các địa điểm cụ thể như núi non, sông biển, nhà cửa, con đường, bầu trời... Khi tìm hiểu không gian nghệ thuật, bên cạnh việc chỉ ra đặc điểm của thể giới nghệ thuật được tái hiện, còn cần chỉ ra quan niệm của nhà văn về không gian. Chẳng hạn, trong sáng tác của Nam Cao có hai phạm trù không gian rất đáng quan tâm, đó là không gian trong nhà, và không gian ngoài đường. Đối với Nam Cao, không gian trong nhà là không gian của sự hoàn lương, còn không gian ngoài đường thường gắn với sự tha hóa. Chính vì thế, mà ở ngoài đường thì “Hắn vừa đi vừa chửi” (*Chí Phèo*), hoặc khi ra khỏi nhà, Hộ quên cả ý định mang tiền nhuận bút về cho vợ con, lại ngồi uống rượu tán chuyện với bạn bè, và nửa say nửa tỉnh về quát tháo vợ con. Nhưng khi về tới căn lều của mình, Chí Phèo lại trở nên rất hiền; ở trong nhà sau một đêm, sáng hôm sau tỉnh dậy, Hộ lại thấy hối hận và tự lên án mình “chỉ là... một thằng... khốn nạn” (*Đời thừa*). Chỉ ra được quan niệm của nhà văn về không gian cũng chính là chỉ ra được cảm nhận của nhà văn về cuộc sống, thấy được chiều sâu trong tư tưởng nghệ thuật của nhà văn.

Ngoài ra, tiếp nhận văn học từ góc độ Thi pháp học còn chú ý đến vấn đề thi pháp thể loại, kết cấu hình tượng, kết cấu văn bản trần thuật và ngôn từ nghệ thuật... Có thể nói, tiếp nhận văn học từ góc độ văn bản là hướng tiếp nhận quan trọng, trong trường hợp không có những tư liệu về cuộc đời nhà văn, thời đại, hoàn cảnh sáng tác, chỉ cần có văn bản trong tay là có cơ sở để tiến hành hoạt động tiếp nhận. Hoạt động dạy học văn cũng không thể xa rời văn bản, giáo viên và học sinh cùng tiếp cận văn bản, giải mã các kí hiệu của văn bản ngôn từ, thông qua văn bản khám phá thể giới nghệ thuật, tư tưởng quan niệm của nhà văn, tìm ra các ý nghĩa ẩn tàng trong văn bản ngôn từ. Khi dạy học văn theo hướng này cần thiết phải chú ý đến tính chính thể của văn bản để tránh suy diễn, đồng thời cũng cần tránh sơ đồ hóa, tránh gây cảm giác nặng nề cho học sinh.

### 2.3. Tiếp nhận văn học từ góc độ văn hóa

Tiếp nhận văn học từ góc độ văn hóa là hướng tiếp nhận đang được quan tâm hiện nay. Hướng tiếp nhận này được xây dựng trên cơ sở mối quan hệ chặt chẽ giữa văn học và văn hóa. Văn học là một thành phần của văn hóa, phản ánh diện mạo, bản chất của văn hóa và chịu sự tác động của văn hóa. Nghiên cứu văn hóa trong văn học có hai xu hướng tạm gọi là cách nghiên cứu truyền thống và cách nghiên cứu hiện đại. Cách nghiên cứu văn hóa trong văn học theo kiểu truyền thống thường là đi tìm bản sắc văn hóa dân tộc được biểu hiện trong văn bản văn học; cách nghiên cứu văn hóa trong văn học hiện đại chủ yếu đi tìm các nhân tố chi phối sự hình thành các giá trị, các quan niệm văn học, các biểu hiện hình thức của văn bản văn học từ trong đời sống xã hội, văn hóa.

Khi tiến hành tiếp nhận văn học từ góc độ văn hóa, người đọc sẽ tìm kiếm những biểu hiện của văn hóa trong các cấp độ của văn bản văn học như đề tài, chủ đề, nhân vật, ngôn từ, thủ pháp nghệ thuật, thể loại... *Đề tài* là một phạm vi đời sống được thể hiện trong tác phẩm văn học, nó thể hiện khá rõ những dấu ấn của văn hóa, chẳng hạn đề tài về phong tục tập quán dân tộc, đề tài về cuộc sống ở nông thôn, cuộc sống ở thành thị... Trong những đề tài như vậy thể hiện những nét văn hóa riêng của mỗi dân tộc. *Chủ đề* là vấn đề nổi cộm trong một phạm vi đời sống, nó cũng là yếu tố thể hiện rõ nét các mâu thuẫn, các vấn đề chủ yếu trong quá trình phát triển văn hóa dân tộc. Chẳng hạn chủ đề về quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, cá nhân và gia đình, giữa con người và hoàn cảnh, giữa dân tộc này với dân tộc khác... thể hiện khá rõ dấu ấn văn hóa dân tộc. Xung đột giữa cá nhân và gia đình truyền thống trong tiểu thuyết Tự lực văn đoàn đã thể hiện rõ truyền thống văn hóa gia đình ở Việt Nam trong thời trung đại, và sự hình thành, sự va đập với quan niệm mới xuất hiện khi tiếp xúc với văn hóa phương Tây. Sự xung đột giữa cá nhân và gia đình hay sự va chạm giữa gia đình hiện đại và gia đình truyền thống là một nét nổi bật trong văn hóa Việt Nam đầu thế kỉ XX. *Nhân vật* trong tác phẩm văn học thể hiện rất rõ dấu ấn văn hóa khi nó được khắc họa như một nhân cách văn hóa. Nhân vật văn học thể hiện được vấn đề đạo đức luân lí

trong ứng xử giữa con người và con người, con người và môi trường xã hội, môi trường tự nhiên, con người với những vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo, hứng thú thẩm mỹ... Chẳng hạn, trong thơ Nguyễn Trãi, chúng ta luôn bắt gặp một con người sống hòa với tự nhiên và mang nỗi lo nước thương đời. Điều này thể hiện rất rõ quan niệm con người là một tiểu vũ trụ, vạn vật nhất thể, tư tưởng tốt đẹp trong văn hóa truyền thống. Cũng như vậy, chúng ta thấy được truyền thống yêu nước, sẵn sàng hi sinh cho độc lập dân tộc trong các hình tượng nhân vật như chị Út Tịch (*Người mẹ cầm súng*, Nguyễn Thi), anh hùng Núp (*Đất nước đứng lên*, Nguyễn Ngọc); thấy được sự gắn bó với làng quê trong nhân vật ông Hai (*Làng*, Kim Lân)... *Ngôn từ* trong văn bản văn học cũng là yếu tố thể hiện khá đậm nét văn hóa dân tộc, bởi vì ngôn từ là sản phẩm của văn hóa xã hội. Mỗi dân tộc có một ngôn ngữ riêng, có thói quen sử dụng ngôn ngữ riêng. Mỗi nhà văn có cách sử dụng ngôn từ riêng nhưng vẫn chịu ảnh hưởng của thói quen sử dụng ngôn ngữ của cộng đồng. Người đọc có thể khảo sát tác dụng của ngôn ngữ tiếng Việt đa thanh điệu trong việc tạo lập văn bản thơ ca, tìm kiếm nội hàm văn hóa ẩn sau hệ thống từ ngữ được nhà văn sử dụng, cách sử dụng ngôn ngữ địa phương. Chẳng hạn cách nói rất đặc trưng của các chàng trai nông thôn trong thơ Nguyễn Bính "*Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông/ Một người chín nhớ mười mong một người*" (*Tương tư*) rất gần gũi với cách nói trong ca dao "*Anh đi anh nhớ quê nhà/ Nhớ canh rau muống/ Nhớ ai dãi nắng dầm sương/ Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao*". Các phương pháp tu từ, các môtip trong tác phẩm văn học cũng thể hiện dấu ấn văn hóa. Chẳng hạn, trong văn học Việt Nam thường xuất hiện các hình thức so sánh, ẩn dụ gắn với những sự vật gần gũi quen thuộc trong đời sống xã hội người Việt. Thể loại văn học cũng là một yếu tố thể hiện văn hóa dân tộc. Mỗi dân tộc thường có thể loại văn học riêng. Thơ lục bát của Việt Nam là sản phẩm riêng của dân tộc Việt Nam gắn liền với ngôn ngữ giàu thanh điệu và gắn với điệu hò dân tộc. Trong những thể loại xuất hiện ở các nước trên thế giới, thì khi được sáng tác ở mỗi dân tộc, đều mang những sắc thái riêng. Chẳng hạn cũng là tiểu thuyết, nhưng ở Việt Nam thường không phát triển tiểu thuyết phiêu lưu như phương Tây, tiểu thuyết võ hiệp như Trung Quốc, mà thiên sang tiểu thuyết về nhân tình thế thái...

Như vậy, cách tiếp nhận văn học từ góc độ văn hóa sẽ giúp cho người đọc khám phá được nội hàm văn hóa trong văn bản văn học, đồng thời hạn chế được cách tiếp nhận khép kín chỉ khám phá nội tại văn bản, tách rời văn bản văn học với đời sống xã hội. Bên cạnh hướng tìm kiếm nội hàm văn hóa trong văn bản văn học, thì hướng lí giải nguyên nhân hình thành các yếu tố nội dung, các yếu tố hình thức của văn bản từ cơ sở văn hóa xã hội cũng giúp cho cách đọc văn học từ góc độ văn hóa trở nên phong phú đa dạng hơn, đồng thời giúp người đọc cảm thấy đọc văn không phải là đọc một thứ xa lạ với cuộc sống xung quanh. Văn chương cũng góp phần giải quyết những vấn đề của cuộc sống hiện thực. Chẳng hạn, người đọc có thể lí giải sự xuất hiện của cái tôi cá nhân tìm cách phô bày cảm xúc riêng tư của mình trong văn học lãng mạn đầu thế kỉ XX ở Việt Nam từ những biến động trong đời sống văn hóa xã hội; lí giải hiện tượng văn học Việt Nam giai đoạn 1945-1975 thể hiện tinh thần lạc quan cách mạng từ hoàn cảnh đất nước đang đương đầu với giặc ngoại xâm; lí giải hiện tượng văn học sau 1975 lại quay về với những suy tư trăn trở của cuộc sống đời thường, nhìn lại mặt trái của chiến tranh từ góc độ hoàn cảnh Việt Nam sau khi bước ra khỏi cuộc chiến, bước vào thời kì kinh tế thị trường... Bên cạnh đó, nghiên cứu văn hóa còn chú ý đến các vấn đề như văn học đại chúng, vấn đề nữ quyền hay vấn đề quan hệ giữa con người và môi trường tự nhiên... Tất cả những biểu hiện đó làm cho văn học xích lại gần hơn với thực tế cuộc sống, tiếp nhận văn học giúp độc giả suy tư, nhìn nhận, lí giải về các vấn đề của hiện thực.

### 3. Kết luận

Mặc dù nghiên cứu văn học nói chung luôn biến động, nhưng tiếp nhận văn học trong trường phổ thông vẫn duy trì đồng bộ các hướng tiếp nhận nhằm tập dượt cho học sinh nhiều cách tiếp nhận tác phẩm văn học khác nhau. Tuy nhiên dạy học văn trong trường phổ thông cũng không

hoàn toàn tách biệt với tình hình nghiên cứu văn học. Những năm gần đây, chuyển hướng văn hóa trong nghiên cứu văn học diễn ra mạnh mẽ, đặc biệt là sự xuất hiện của phê bình sinh thái, thì dạy học văn trong trường phổ thông cũng cần mở rộng sang hướng tiếp cận này. Tiếp nhận văn học từ góc độ tiểu sử hay từ góc độ văn bản đều cần thiết và vẫn nên duy trì trong dạy học văn, nhưng đã đến lúc cần phải chú ý nhiều hơn đến vận dụng hướng tiếp nhận văn học từ góc độ văn hóa trong dạy học văn ở trường phổ thông.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Trần Đình Sử, 1993. *Một số vấn đề thi pháp học hiện đại*. Tài liệu Bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên văn cấp 2 phổ thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo – Vụ giáo viên.
- [2] Trần Đình Sử, 2006. *Độc hiểu văn bản - một khâu đột phá trong nội dung và phương pháp dạy văn hiện nay*. Tài liệu bồi dưỡng giáo viên.
- [3] Trần Đình Sử, 2015. *Đưa kĩ hiệu học vào môn đọc văn trung học phổ thông*. <http://trandinhhu.wordpress.com>
- [4] Nguyễn Văn Tùng, 2013. *Lí luận văn học và đổi mới đọc hiểu tác phẩm*. Nxb Giáo dục Việt Nam.
- [5] Hồ Ngọc Mân, 2004. *Mĩ học tiếp nhận và dạy - học văn*. Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, tr.11-16.
- [6] Trần Hữu Phong, 2012. *Sự gợi ý của lí thuyết tiếp nhận văn học đối với việc dạy học đọc hiểu văn bản ở trường THPT*. Bài viết được tài trợ bởi Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED). Mã đề tài: VII.1.2 – 2012.07). <http://www.khoanguvandhsphue.org>.
- [7] Benedetto Croce, 1983. *Nguyên lí mỹ học - Mỹ học cương yếu*. Chu Quang Tiềm... dịch sang tiếng Trung. Nxb Văn học nước ngoài, tr.18, tr.209.
- [8] Sigmund Freud, 1987. *Freud luận mỹ văn tuyển*. Trương Hoán Dân... dịch sang tiếng Trung. Nxb Tri thức, tr.29.
- [9] Ngũ Lãi Phủ, 1979. *Tây phương văn luận tuyển*. Nxb Dịch văn Thượng Hải, tr.195.
- [10] Trương Trung Tải..., 2000. *Tây phương cổ điển văn luận tuyển đọc*. Nxb Nghiên cứu và giảng dạy ngoại ngữ, tr. 544-550.
- [11] Warren, Welleck, 1984. *Lí luận văn học*. Lưu Trọng Ngu dịch sang tiếng Trung, Tam liên thư quán xuất bản, tr. 79.
- [12] Trần Đình Sử, 2007. *Giáo trình Dẫn luận thi pháp học*. Nxb Giáo dục, tr.9, tr.55, tr.82.

### ABSTRACT

#### Some directions of literary works reception in literary teaching

Do Van Hieu

*Faculty of Philology, Hanoi National University of Education*

Nowadays, a lot of literary reception theories are introduced in Vietnam, the question is how to system these theories to apply them actively in literary teaching. This article aims to introduce, analyze the advantages and disadvantages of the three basic literary reception ways to apply them in literary teaching, namely Author - centered theory, Text - centered theory , Literature and Cultural Studies.

**Keywords:** Literary Reception, Author - centered theory, Text - centered theory, Literature and Cultural Studies.